

GIẢI TRÌNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

C	L	K	M	TM	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	TỰ CHỦ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
622	490	492						
			6000		<i>Tiền lương theo ngạch bậc</i>			
				6001	Lương ngạch bậc 245*1490000*12T	4,380,600,000	4,380,600,000	
				6003	Lương bảo vệ theo NĐ 111: 3*4680.000*12T	18,720,000	18,720,000	
				6001	Tăng lương 0.33*20 người *1490000*8T	91,056,000	91,056,000	
			6100		<i>Phụ cấp lương</i>	0		
				6101	Chức vụ: 2.6x1490.000x12T	46,488,000	46,488,000	
				6113	Trách nhiệm: 0,6x1.490.000x 3 ngườix12T	32,184,000	32,184,000	
				6112	Phụ cấp ngành 65.46 + PC ngành tăng lương	1,355,443,200	1,355,443,200	
				6115	Phụ cấp thâm niên nghề	715,200,000	715,200,000	
			6300		<i>Các khoản đóng góp</i>	0		
				6301	Bảo hiểm Xã Hội: 18%	925,611,840	925,611,840	
				6302	Bảo hiểm Y tế: 3%	154,268,640	154,268,640	
				6303	Kinh phí công đoàn: 2%	102,845,760	102,845,760	
				6304	Bảo hiểm thất nghiệp: 1%	54,836,960	54,836,960	
					<u>Chi hàng hóa dịch vụ</u>	0		
			6250		<i>Phúc lợi tập thể</i>	0		
				6257	Chi phí khác: tiền chè, nước: 500.000đ x12T	15,000,000	15,000,000	
			6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0		
				6402	Khám định kỳ cho giáo viên	0		
			6500		<i>Thanh toán dịch vụ công cộng</i>	0		

C	L	K	M	TM	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	TỰ CHỦ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
				6501	Tiền điện: 14.000.000đx3T	42,000,000	42,000,000	
				6502	Tiền nước	30,000,000	30,000,000	
					mua xăng chạy máy nổ lúc mất điện	0		
					Vận chuyển rác: 1.000.000đ x 12T	12,000,000	12,000,000	
			6700		Công tác phí	0		
				6704	Khoản công tác phí: HT+KT+VP: 500đ/tháng;	32,400,000	32,400,000	
					2HP+TQ: 400,000đ/tháng,	0		
			6750		Chi phí thuê mướn	0		
				6757	Thuê bảo vệ: 1ng x 4tr/thángx 12 tháng	48,000,000	48,000,000	
					Thuê lao công: 2ng x 4.5tr/thángx 12 tháng	108,000,000	108,000,000	
			7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	0		
				7004	Đóng phục, trang phục cho giáo viên thể dục (4đ/c *	8,000,000	8,000,000	
					2000.000đ = 8.000.000đ)			

C	L	K	M	TM	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	TỰ CHỦ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
					Hỗ trợ cho giáo viên tham gia chuyên đề 50.000 đồng đối với cấp quận, 30.000 đồng đối với chuyên đề cấp trường theo môn học 13 môn x 4 khối /1kỳ x 2 kỳ = 23.000.000đ, Chi hỗ trợ ban viết bài của trường 12T x 500.000= 6.000.000đ, Chi hỗ trợ cho GV xếp thời khóa biểu 150.000đx 12T = 1.800.000đ, chi hỗ trợ cho ban treo phòng 100.000đ/lần x 30 lần = 3.000.000 đ, chi hỗ trợ giáo viên viết, đưa tin, đưa hình ảnh theo từng CD lên trang Website 500.000đ/ bài, tập huấn trường khai công tác tháng CBGVNV, chi hỗ trợ ban liên tịch triển khai công tác tháng 50.000đ / người, CBGVNV quét dọn vệ sinh sân, trong ngoài lớp học 50.000đ/ người, thưởng HS giỏi , HS tiến tiến bằng vở và giấy khen giỏi, tiên tiến X 2 kỳ =9.650.000đ/ kỳ, thưởng HS thi giải toán qua mạng, HS thi máy tính cầm tay, thi HS giỏi cấp thành phố 12 môn văn hóa thưởng theo vòng loại cấp quận vòng I, II, III, cấp thành phố giải nhất 700.000đ, thưởng thi các môn về thể dục thể thao bằng 50 % các môn văn hóa, hỗ trợ giáo viên bồi dưỡng và ban chỉ đạo thi các kỳ thi 50.000đ đến 100.000đ / buổi tùy theo từng đợt hoặc theo chuyên đề	50,000,000	50,000,000	
			7750		Chi khác	0		
				7752	Kỷ niệm các ngày lễ lớn	5,000,000	5,000,000	
				7761	Chi tiếp khách	15,345,600	15,345,600	
				7756	Phí chuyển lương	10,000,000	10,000,000	
					Tổng cộng	8,253,000,000	8,253,000,000	0

Yên Viên, ngày 05 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Thư

Huấn luyện đơn vị



HUẤN LUYỆN

Bùi Thanh Huyền

TRƯỜNG THCS TT YÊN VIÊN

GIẢI TRÌNH DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU TẠI ĐƠN VỊ NĂM 2024

Tổng biên chế giao:	64
Biên chế có mặt:	60
Tổng số lớp:	31
Tổng số học sinh:	1410
Số học sinh miễn thu, giảm, thất thu:	68
Số học sinh thu:	1342

1. Thu Học phí: (Mức thu x số học sinh)

77.500 x 1410 học sinh x 9 tháng = 3,780,000,000

2. Thu học thêm:

1410 hs * 7.000đ/tiết * 36Tiết /tháng * 5 tháng 2,309,580,000

TỔNG SỐ THU: 6,089,580,000 đồng

Người lập

Hoàng Thị Thu Hà

Hoàng Thị Thu Hà



Thủ trưởng đơn vị

Bà Thanh Huyền

GIẢI TRÌNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH, CHI TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP NĂM 2024

C	L	K	M	TM	NỘI DUNG	TỔNG CHI TỪ NGUỒN THU SN	TRONG ĐÓ			THU SỰ NGHIỆP KHÁC
							THU PHÍ, LỆ PHÍ	THU HỌC THÊM		
1	2	3	4	5	6	8=9+10+11+12	9	11	12	
622	490	493			TỔNG CỘNG	1 899 491 100	1 553 054 100	346 437 000		
					A Chi tại đơn vị	4 111 158 100	3 764 721 100	346 437 000		
			6000		Tiền lương		1 496 894 100			
				6001	Lương NB: 245 x 310.000* 12 tháng		911 400 000			
			6100		Phụ cấp lương					
				6101	PC chức vụ: 1.5*310.000*12					
				6112	PC ưu đãi 30%: 58.5*310.000*12 tháng	273 420 000	273 420 000			
				6113	PC trách nhiệm: 0.6*310.000.12 tháng	2 232 000	2 232 000			
				6115	PC thâm niên NG: 25.5*310.000*12 tháng	75 600 000	75 600 000			
				6115	PC vượt khung: 0.5*310.000*12tháng	1 860 000	1 860 000			
			6250		Phúc lợi tập thể					
				6252	Trợ cấp KK đột xuất 4 người x 700					
				6253	Tiền tàu xe nghỉ phép năm 4 người x 1000					
				6257	Tiền nước uống cho CBGV: 900x 10 tháng					
				6299	Chi các khoản khác(chi CBGV các ngày lễ, tết..)					
			6300		Các khoản đóng góp					
				6301	BHXH 17.5%	173 050 500	173 050 500			
				6302	BHYT3%	29 665 800	29 665 800			
				6303	KPCĐ2%	19 777 200	19 777 200			
				6304	BHTN 1%	9 888 600	9 888 600			

		Chi thường xuyên 60%				2 267 827 000	
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng				
	6501		Tiền điện: 15.000.000đx10T		150 000 000	150000000	
	6502		Tiền nước		12 000 000	12000000	
	6503		Nhiên liệu:		10 000 000	10000000	
	6504		Vệ sinh môi trường 8.000x 12 tháng		146 000 000	96 000 000	50 000 000
	6549		Chi khác: 2.500x12 tháng		30 000 000	30 000 000	
	6550		Vật tư văn phòng				
	6551		Văn phòng phẩm 20.000x 10 tháng		79 637 000	79 637 000	
	6552		Bàn ghế học sinh 700 bộ x2.000				
	6553		Công cụ dụng cụ khác		90 000 000	90 000 000	
	6599		Vật tư văn phòng khác: ghim, cặp,kéo, hồ.. 9.000x10 tháng		120 000 000	120 000 000	
	6550		Vật tư văn phòng				
	6551		Văn phòng phẩm như giấy phấn, bút 100.000 đến 200 000đồng * 2 kỳ *60 giáo viên = 28.000.000 đồng. Giấy pho tô, gim, kẹp băng dính, bút bi, giấy bóng kính đóng giáo cho bộ phận văn phòng vvv 3100.000đ/1tháng *12 T (Quản lý + bộ phận VP)		80 000 000	80 000 000	50 000 000
			Mỗi giáo viên , 2 sổ dự giờ, 1sổ lưu đề, 1 sổ chấm chữa, sổ điểm, sổ sinh hoạt tổ, nhóm, sổ sinh hoạt chuyên môn theo QĐ của sở, trường dùng trong 2.500.000đ/kỳ x 2 kỳ		10 000 000	25 000 000	50 000 000
	6552		Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		30 000 000	80 000 000	
	6599		Vật tư văn phòng khác		30 000 000	80 000 000	
	6600		Thông tin, truyền truyền liên lạc			20 000 000	
	6601		Điện thoại: 500.000 x 12 (3 máy)		9 000 000	20 000 000	
	6612		Chi mua tạp chí thư viện				
	6617		Cước internet 8.500.000đ*6 tháng		6 000 000	18 000 000	
			Thư viện điện tử		20 000 000	25 000 000	
	6650		Hội nghị				
	6651		In, mua tài liệu		8 000 000	15 000 000	
	6657		Thuế khác trong hội nghị				
	6699		Chi trang trí hội nghị: 4 hội nghị		8 000 000	8 000 000	

			(khai giảng, HNCBCC, sơ kết HK1, tổng kết năm học)				
	6700		Công tác phí				
		6749	Công tác phí khác		12 000 000	20 000 000	
	6750		Chi phí thuê mượn				
		6751	Thuê xe chở học sinh đi học bồi dưỡng, đi thi các cấp		50 000 000	150 000 000	
		6754	Thuê thiết bị âm thanh ánh sáng 4 hội nghị		20 000 000	80 000 000	
		6755	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài				
		6757	Thuê bảo vệ: 1ng x 4tr/tháng x 12 tháng			56 160 000	
			Thuê lao công: 2ng x 4.5tr/tháng x 12 tháng		108 000 000	180 000 000	
			Thu ^a giáo viên HD theo tiết : 50.000đ/tiết			50 000 000	
	6900		Sửa chữa tài sản dùng cho chuyên môn				
			Các thiết bị công nghệ thông tin: Mua bộ chia, bộ nguồn máy tính, bộ nguồn đàn, âm thanh, nhà thể chất, máy in, giá treo, màn chiếu treo tường điều khiển điện, bộ xung mắt Camera, bộ chia tín hiệu camera		50 000 000	50 000 000	
			Tài sản và thiết bị khác: Mua bàn ghế bán trú cấp II 60 bộ x 2.000.000đ= 45.600.000 đ, sa bàn tổng thể trường 1 bộ = 40.000.000đ, bộ nguồn máy tính, bộ nguồn của đàn, bộ nguồn máy chiếu vvvv		80 000 000	80 000 000	50 000 000
			Bảo trì hoàn thiện phần mềm thời khoá biểu: 1.000.000đ/Kỳ x 2kỳ, diệt vi rút cho 50 máy tính: 50 x 396.000đ/M, phần mềm QL thu học phí: 3.000.000đ/N, phần mềm QL Giáo viên: 3.000.000đ/N, Phần mềm ôn tập khối 9 : 3.000.000đ/N, phần mềm kế toán 3.000.000đ/N, phần mềm BHXH 1.300.000đ/N, phần mềm chữ ký số 2.000.000đ/N, phần mềm trộn đề, chấm thi: 15.000.000đ, phần mềm nhập điểm quảng ích, 8.000.000đ, phần mềm TS 3.000.000đ		20 000 000	20 000 000	
		6905					

					Thay trống từ, gạt trống, lò sấy máy in 7 cái, thay trống từ 600.000đ/ máy = 4.200.000đ, gạt trống máy phô tô 4 lần trên năm x 3500.000đ x 1 máy = 3.500.000đ, máy chiếu vật thể phòng nghe nhìn, hóa, sinh, thí nghiệm lý, 28 phòng học 4.000.000 máy/ năm, thay kính máy chiếu	30 000 000	30 000 000		
				6905	Thiết bị PCCC	10 000 000	10 000 000		
				6908	Bảo dưỡng nâng cấp sửa chữa máy vi tính 2 phòng tin, P chức năng, khu hiệu bộ, camera, máy chiếu vật thể: 20 máy tính x 50.000/T x 10 T = 10.000.000. camera, máy chiếu Projter, máy chiếu vật thể 10 cái 80.000/máy/ tháng = 8.000 000đ Máy phô tô 100.000 x 1x 12 T = 1.200.000	20 000 000	20 000 000		
				6912	Bảo dưỡng đường điện, nạo vét cống dây, đường nước, vệ sinh, Sửa chữa cống trường, chột lại tường rào	50 000 000	50 000 000		
				6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm kế toán, phần mềm tài sản, phần mềm CCDC	12 000 000	12 000 000		
				6949	Sửa chữa máy bơm nước, bảo trì, bảo dưỡng	9 000 000			
					Sửa chữa các tài sản khác: Sửa chữa bàn ghế, kẻ bảng phòng học, thay thế bệ vệ sinh, sửa chữa đường ống nước do bị vỡ chạy ngấn chạy nổi,	85 000 000	85 000 000		
				6949	Chi cát Pano biểu bảng, biển lớp, Nội quy các phòng học, bảng zona, khẩu hiệu theo chuyên đề	50 000 000			
				6949	Sửa chữa duy tu bảo dưỡng thay thế thiết bị phòng cháy chữa cháy, bổ sung bột theo định kỳ	30 000 000	30 000 000		
				7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				

					Chi tiền mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn như con cá chép, chim bồ câu, con trai thực hành cho 8 lớp khối 6, 7 lớp khối 7, 7 lớp khối 8, 7 lớp khối 9, hoá chất cho 16 lớp khối 8,9, pin cầu chì, cầu giao, dây điện, đèn pin thí nghiệm cho vật lý của 32 lớp khối 6,7,8,9, giấy tờ ki loại A0 cho môn hoạ, mẫu thực hành cho môn sinh, hoá, GDCN, Hoa, đĩa tiếng anh cho môn NN cho 32 lớp, đĩa cho môn nhạc, thước góc, dùi, com pa, đàn dạy nhạc, mẫu vật cho môn hoạ vvv Trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, đồng hồ, thấu kính, dụng cụ mổ thực hành, Sanh pan, bảng thông minh, kéo chuyên dùng, kim, lò so chạy TD vvv chi mua bổ sung bộ thiết bị dạy học môn toán, lý, hóa, sinh theo 4 khối, , Chi bổ sung đồ dùng thí nghiệm cho 4 khối = 50.000.000đồng/ khối x 2 khối	60 000 000	60 000 000	80 000 000	
				7001	In ấn photo tô màu tài liệu cho giáo viên, học sinh, tài liệu hướng dẫn cho tập thể, cá nhân, các văn bản hướng dẫn cho điểm, tài liệu phân phối chương trình các khối... phải ra ngoài photo 40.000.000đ/kỳ x 2 kỳ	50 000 000	50 000 000	30 000 000	
				7012	Sách tài liệu, chế độ dùng cho chuyên môn nâng cao nghiệp vụ, tài liệu thay sách, sách nâng cao các khối 6, khối 7, khối 8 khối 9, 5 môn x 450.000 đ x 6 bộ = 13.500.000 đ x 4 khối = 54.000.000	60 000 000	60 000 000	20 000 000	

